

Số: /BC- SGD&ĐT

Lào Cai, ngày tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO

Chuẩn bị cho Hội thảo Đánh giá công tác duy trì, đảm bảo chất lượng, đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi theo Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư

Kính gửi: Vụ Giáo dục mầm non, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Kế hoạch 1661/KH-BGDĐT ngày 15/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Triển khai thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2022 đối với giáo dục mầm non, sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai báo cáo như sau:

1. Thông tin chung về GDMN năm học 2022-2023

a) Đơn vị hành chính

- Số đơn vị cấp huyện (Quận, huyện): 09
- Số đơn vị cấp xã (xã/phường/thị trấn): 152, trong đó: 13 xã thuộc vùng khó khăn, 82 xã thuộc vùng ĐBKK.

b) Mạng lưới cơ sở GDMN

- Số trường mầm non: 197, trong đó: 13 trường vùng khó khăn, 82 trường vùng ĐBKK.
- Số cơ sở độc lập (CSĐL): 72, trong đó: Không có CSĐL vùng khó khăn, Không có CSĐL vùng ĐBKK.

c) Tỷ lệ huy động trẻ em các độ tuổi

- Thực trạng huy động từng độ tuổi: Tổng số trẻ em: 57.381 (trong đó, trẻ nhà trẻ: 9809 đạt tỷ lệ huy động 28,5%; trẻ mẫu giáo: 47.572 đạt tỷ lệ huy động 96,8%, trẻ mẫu giáo 3 tuổi đạt 94,4%, trẻ mẫu giáo 4 tuổi đạt 96,9%, mẫu giáo 5 tuổi duy trì 99,8%).

- Thực trạng chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

- + Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, đặc biệt ở độ tuổi 2,3 tuổi còn cao: Thể nhẹ cân 7,0% -8,6%; thể thấp còi 9,6% -13,3%; thể gầy còm/còi cọc 1,6%-1,7%; thừa cân, béo phì 0,4% -2,0%.

+ Tỷ lệ trẻ em học 2 buổi/ngày: 100%

+ Tỷ lệ trẻ em được tổ chức ăn bán trú: 100%

d) Đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên

- + Thực trạng: Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên: 5328 người (CBQL: 486; giáo viên: 4302; nhân viên: 540). Giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo Luật Giáo dục 2019: 3917/4302, đạt 91%; chưa đạt chuẩn: 387/4302 người, chiếm 9%. Định mức trung bình toàn tỉnh đạt 1,86 giáo viên/nhóm, lớp.

+ Thiếu giáo viên cần bổ sung: 340 người

+ Thiếu biên chế cần bổ sung: 248 người.

+ Số xã còn thiếu giáo viên: 95; trong đó: 13 xã vùng khó khăn; 82 xã vùng ĐBKK.

đ) Phòng học

+ Thực trạng: Cơ sở vật chất trường, lớp học tiếp tục được tăng cường theo hướng kiên cố hóa và trang thiết bị hiện đại, đảm bảo tỉ lệ 01 phòng/01 lớp với tổng số 2350 phòng học (kiên cố 1.591, đạt 67,7% tăng 0,8% so với cùng kì năm học 2021-2022, bán kiên cố 729, chiếm 31%; tạm, mượn 20 phòng, chiếm 1,3% giảm 0,3% so với cùng kì năm học trước).

+ Thiếu cần bổ sung: 39 phòng học

+ Số xã còn thiếu phòng học: 07 xã, thị trấn trong đó: không có xã vùng khó khăn; 06 xã vùng ĐBKK.

(Có biểu phụ lục số liệu kèm theo)

2. Triển khai thí điểm phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo giai đoạn 2023-2025

2.1. Thuận lợi, khó khăn của địa phương

- Số xã khó khăn khi triển khai thí điểm: 82

- Nguyên nhân:

+ Một số xã ĐBKK không tuyển dụng được giáo viên do chính sách lương và chế độ đãi ngộ thấp không thu hút được nguồn tuyển có định mức giáo viên thấp hơn mức trung bình toàn tỉnh, khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

+ Một số quy định, cơ chế, chính sách của Trung ương chưa được sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung kịp thời để giải quyết các vấn đề lớn mà thực tiễn đang đặt ra. Cụ thể: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi (chưa có trong Luật Giáo dục 2019), chưa có quy định chuyển đổi các cơ sở giáo dục mầm non công lập thành ngoài công lập ở những nơi có khả năng xã hội hóa cao.

+ Một số xã còn nhiều điểm trường, khó khăn trong việc đầu tư nguồn lực và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục.

+ Công tác điều tra, cập nhật thông tin vào hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành và phổ cập xóa mù chữ chưa kịp thời; việc số hóa hồ sơ PCGDMNTNT ở nhiều địa phương chưa thực hiện được. Giáo viên phải thực hiện nhiều phần mềm khác nhau, số liệu không thống nhất gây ảnh hưởng tới công tác kiểm tra duy trì hàng năm của các cấp quản lý

- Số xã thuận lợi khi triển khai thí điểm: 67 xã, phường, thị trấn

2.2. Đề xuất những vấn đề cần tháo gỡ khi triển khai thí điểm PCGDMNTMG

- Xây dựng và hoàn thiện các văn bản về PCGDMN được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương để Ban Chỉ đạo Công tác Giáo dục thuận lợi trong tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND và UBND các cấp có chương trình/đề án/kế hoạch/chính sách/giải pháp hiệu quả, trọng tâm có tác động tích cực đến kết quả PCGDMN.

- Tăng chỉ tiêu giao biên chế hàng năm có ưu tiên bổ sung GVMN đảm bảo định mức GV theo quy định.

- Duy trì và tăng cường các chính sách từ Trung ương và riêng của tỉnh cho trẻ em để nâng cao tỷ lệ trẻ em tới trường như: Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 2, 3,4,5 tuổi ở những vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ là con hộ nghèo và cận nghèo, trẻ khuyết tật; miễn học phí cho trẻ em mầm non ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn. Các chế độ hỗ trợ các trường tổ chức nấu ăn; Chính sách tiền lương cho giáo viên hợp đồng lao động; dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt... nhằm nâng cao đời sống giáo viên yên tâm gắn bó với nghề.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp cơ bản để thực hiện nâng cao chất lượng PCGDMNTNT

(1). Thực hiện sắp xếp lại đội ngũ toàn ngành giáo dục gắn với rà soát, quy hoạch mạng lưới trường, lớp học trên cơ sở rà soát, sắp xếp giáo viên các cấp học để tuyển dụng giáo viên mầm non đảm bảo định mức quy định. Nâng cao chất lượng đội ngũ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp. Tập trung đào tạo trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trên chuẩn, năng lực toàn diện cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; chủ động, tích cực tự học, tự nghiên cứu, tự bồi dưỡng, vận dụng phương pháp giáo dục tiên tiến nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế.

(2). Tiếp tục thực hiện rà soát xác định danh mục, nhu cầu đầu tư đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu, chi tiết, cụ thể, đảm bảo đúng, đủ, tránh tình trạng nơi thừa, nơi thiếu, lãng phí. Nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác, sử dụng, phát huy tối đa cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có, còn sử dụng được. Tích cực, chủ động thực hiện đồng bộ các giải pháp, lồng ghép các chương trình, dự án, đề án, các nguồn vốn (ngân sách trung ương, ngân sách tỉnh, huyện, xây dựng nông thôn mới, tài trợ, huy động xã hội hóa...) để đầu tư, mua sắm đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi và duy trì nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi đảm bảo thực chất và hiệu quả.

(3). Đảm bảo an toàn cho trẻ về thể chất và tinh thần, nâng cao chất lượng, chăm sóc, giáo dục toàn diện. Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số; khuyến khích trẻ mẫu giáo làm quen tin học - tiếp cận công nghệ số, ngoại ngữ ở những nơi có điều kiện. Kiểm soát tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì nhằm giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, nâng cao sức khỏe, tầm vóc trẻ em. Chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1. Thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa vùng thấp với vùng cao.

(4). Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa huy động nguồn lực của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác để hỗ trợ duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNT5T và thực hiện PCGDMNT4T. Tăng cường hoạt động phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội; phối hợp chặt chẽ giữa ngành giáo dục với các cơ quan, đơn vị liên quan trong thực hiện duy trì PCGDMNT5T và thực hiện PCGDMNT4T.

(5). Thực hiện kiểm tra, công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 4 tuổi đảm bảo tiêu chí, đúng quy định và thực chất. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc duy trì, nâng cao chất lượng PCGDMNT5T và thực hiện thí điểm PCGDMNT4T.

4. Kiến nghị, đề xuất

4.1. Chính phủ cần có cơ chế chính sách ưu tiên phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non theo các Chương trình, Đề án nhằm đạt các mục tiêu Chiến lược phát triển giáo dục từng giai đoạn.

4.2. Các Bộ, Ngành

(1) Nghiên cứu, ban hành chính sách hỗ trợ hoặc trợ cấp theo giai đoạn đối với đội ngũ nhà giáo đang bị ảnh hưởng trực tiếp của Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (thu nhập từ lương của nhà giáo khi đơn vị công tác ra khỏi vùng đặc biệt khó khăn bị giảm trung bình 5 triệu đồng/người/tháng do thôi hưởng chế độ phụ cấp, trợ cấp theo quy định của vùng đặc biệt khó khăn) để hạn chế việc giáo viên xin thôi việc và chuyển công tác ra khỏi ngành giáo dục.

(2) Tham mưu chính phủ phê duyệt Đề phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo, giai đoạn 2021-2025.

(3) Bộ GD&ĐT rà soát, ban hành danh mục sửa đổi, bổ sung đồ dùng, đồ chơi, thiết bị tối thiểu đảm bảo để thực hiện chương trình giáo dục mầm non và phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

Sở GD&ĐT tỉnh Lào Cai trân trọng báo cáo Vụ GDMN, Bộ GD&ĐT./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, ban Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, GDMN./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Dũng